

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Đồng Cỏ, Dộc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 617/TTr-STNMT ngày 09/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Đồng Cỏ, Dộc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH MTV 98 Hưng Đại Lợi¹ (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại khu vực Đồng Cỏ, Dộc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

¹ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400940467 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp đăng ký lần đầu ngày 14/6/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04/7/2022.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định²: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Đồng Cỏ, Dộc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Lục Nam; Chủ tịch UBND xã Cẩm Lý; Công ty TNHH MTV 98 Hưng Đại Lợi và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Q.CT, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH MTV 98 Hưng Đại Lợi (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

² thành lập theo Quyết định số 831/QĐ-TNMT ngày 04/11/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
“KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (ĐẤT SÉT GẠCH) TẠI KHU VỰC
ĐỒNG CỎ, DỘC TRUNG, THÔN LIÊN PHONG (MAI SƠN),
XÃ CẨM LÝ, HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Đồng Cỏ, Độc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Địa điểm thực hiện: Khu vực Đồng Cỏ, Độc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Công ty TNHH MTV 98 Hưng Đại Lợi.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại khu vực Đồng Cỏ, Độc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô của dự án: Tổng diện tích khai thác là 4,19 ha, gồm 02 khu (khu I: diện tích 0,69 ha, khu II: diện tích 3,5 ha).
- Trữ lượng khoáng sản chính (đất sét gạch) được phép đưa vào thiết kế khai thác là 309.418 m³, trong đó: khu I là 50.465 m³, khu II là 258.953 m³.
- Công suất khai thác: Thời gian xây dựng cơ bản 0,2 năm kết hợp cùng khai thác với công suất là 24.418 m³, thời gian khai thác còn lại năm 1 khai thác với công suất là 95.000 m³; thời gian khai thác từ năm 2 đến năm 3 với công suất là 95.000 m³/năm.

(Hệ số nở rời của đất sét gạch là 1,23)³

- Mức sâu kết thúc khai thác: Đến cốt - 6m.
- Tuổi thọ mỏ: 03 (ba) năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ 0,2 năm và không bao gồm thời gian cải tạo, phục hồi môi trường).
- Thời gian cải tạo, phục hồi môi trường: 0,3 năm (sau khi kết thúc khai thác).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà văn phòng thuê nhà dân; tạo bờ bao ngăn nước, bờ đất xung quanh khai trường khai thác; mốc lộ giới; trạm cân; camera giám sát; kho chứa chất thải nguy hại; nhà vệ sinh di động; hệ thống thoát nước, bãi chứa đất phủ,...

³ theo Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Đồng Cỏ, Độc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang (theo ủy quyền của UBND tỉnh) phê duyệt tại Quyết định số 701/QĐ-TNMT ngày 12/9/2024.

- Hoạt động của dự án đầu tư: Giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; vận chuyển nguyên vật liệu; tập kết máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khai thác; mở vỉa; lắp dựng kho chứa chất thải nguy hại; xây dựng rãnh thoát nước mưa; tạo bờ bao ngăn nước, bờ đất xung quanh khai trường khai thác; cắm mốc lộ giới; hoạt động khai thác và vận chuyển đất,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 4,19 ha đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên (LUC), là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng (như: phát quang thảm thực vật, vận chuyển cây cối phát quang).

- Hoạt động thi công đào đắp, san gạt; bóc đất bề mặt và vận chuyển đất sét gạch đến nơi tiêu thụ,...

- Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp, san gạt;

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất bóc bề mặt và đất sét gạch đến nơi tiêu thụ; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ quá trình xịt, rửa bánh xe và nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật; đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

- Các rủi ro, sự cố như: Sự cố ngập úng; sự cố sạt lở đất; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông,...

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tác động tới môi trường:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất sét gạch từ khai trường đến nơi tiêu thụ.

+ Bụi phát sinh từ quá trình đào, xúc đất sét.

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân; nước mưa chảy tràn qua khai trường; nước thải từ quá trình xịt, rửa bánh xe.

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân; đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình khai thác.

- Rủi ro, sự cố như: Sự cố do mưa bão kéo dài, ngập úng; sự cố do nguy cơ sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng tuyến đường vận chuyển,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công khoảng 1,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni,...

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động xịt, rửa bánh xe khoảng 0,9 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công sẽ cuốn theo đất, cát,...vào nguồn tiếp nhận. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp, san gạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất bóc bề mặt và đất sét gạch đến nơi tiêu thụ; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân khoảng 5,0 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật khoảng 31,4 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây,....

- Đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt khoảng 24.418 m³.

* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (như: giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, ...) khoảng 12 kg trong thời gian xây dựng cơ bản mở.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động các máy móc thi công (máy xúc) và phương tiện vận chuyên.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến hệ sinh thái; đến cảnh quan, địa hình,...

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố ngập úng; sự cố sạt lở đất; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân khoảng 1,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni...

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động xít, rửa bánh xe khoảng 2,88 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅,...

- Nước mưa chảy tràn qua khai trường dự án cuốn theo đất, cát vào nguồn tiếp nhận. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD,...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyên đất sét gạch từ khai trường đến nơi tiêu thụ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Bụi phát sinh từ quá trình đào, xúc đất sét. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân khoảng 5 kg/ngày.

- Đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt khoảng 97.092 m³.

* Chất thải nguy hại như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhiên liệu và diesel thải phát sinh khoảng 104 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy xúc và phương tiện vận chuyên.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, địa hình, địa mạo; tác động đến hệ sinh thái; tác động đến giao thông khu vực,...

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố do mưa bão kéo dài, ngập úng; sự cố do nguy cơ sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng tuyến đường vận chuyển,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại dự án có bể chứa chất thải dung tích 1m³ để phục vụ nhu cầu vệ sinh của công nhân. Nước thải sinh hoạt không xả thải ra môi trường.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải nhà vệ sinh di động mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước thải thi công:

- Nước thải từ quá trình xịt, rửa bánh xe: Bố trí rãnh thoát nước (chiều rộng 0,3m, chiều sâu 0,3 m) để thu gom nước thải vào hố lắng (kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,5m) để lắng cặn, sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho rửa xe, tưới ẩm khu vực thi công, không thải ra môi trường.

- Định kỳ (01 tuần/lần) nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng nước thải.

* Nước mưa chảy tràn:

- Thoát nước chung của mỏ:

+ Đáy khai trường nằm dưới mức xâm thực của địa phương nên chịu ảnh hưởng của nước mặt chảy vào (chủ yếu là nước mưa). Do đó, chủ dự án tận dụng đường đi xung quanh để làm bờ bao ngăn nước sấm có. Ngoài ra, thực hiện đắp bờ bao ngăn nước bằng đất phủ đã bóc nhằm ngăn nước xung quanh chảy vào khai trường khai thác. Thông số của bờ bao: Khu I bờ bao có chiều dài 234m, chiều rộng 3m; khu II bờ bao có chiều dài khoảng 532m, chiều rộng 3m.

+ Đối với thoát nước mỏ: Do địa hình moong sau khi kết thúc khai thác ở mức cốt -6,0m thấp hơn địa hình xung quanh và tạo các hố trũng nên để đảm bảo cho hoạt động khai thác bình thường, dự án có đào rãnh thoát nước (chiều rộng 0,3m, chiều sâu 0,3m) để dẫn nước về hố lắng (kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,5m), sử dụng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất 250 m³/giờ để đảm bảo thoát nước toàn bộ khu mỏ. Số lượng bơm phục vụ dự kiến là 03 bơm, trong đó 01 bơm dự phòng. Nước mưa và nước ngầm tại moong khai thác sẽ được bơm chảy ra mương rồi chảy ra Ngòi Lịch Sơn cách dự án khoảng từ 150 m đến 300 m.

- Khu vực bãi chứa đất phủ:

Khu I: Bãi chứa đất phủ có diện tích 770 m²; khu II: bãi chứa đất phủ có diện tích 1.256 m².

Nước mưa từ khu vực bãi chứa đất phủ tại khu I và khu II sẽ chảy về các hố trũng được tạo ra trong quá trình khai thác của dự án và được bơm ra ngoài khai trường bằng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất 250 m³/giờ.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện phun nước làm ẩm tại khu vực thi công giảm lượng bụi phát sinh. Thời điểm phun nước vào những ngày khô hanh, nắng nóng, với số lần tưới khoảng 2- 4 lần/ngày. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m².

- Máy móc tham gia thi công xây dựng đảm bảo yếu tố đạt tiêu chuẩn khí thải. Không sử dụng các máy móc quá cũ. Không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và có bạt che phủ khi vận chuyển.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân thi công trên công trường (như: quần áo, mũ, khẩu trang, giày, găng tay,...).

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 60 lít đặt cạnh khu vực nhà vệ sinh di động để thu gom rác thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Phần không tận dụng được, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

* Đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt sẽ được chứa trong bãi đất phủ để đắp bờ bao ngăn nước và cải tạo, phục hồi môi trường.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 3 m² (kho chứa vây tôn xung quanh, có mái che, nền bê tông cao hơn nền hiện trạng, có biển cảnh báo chất thải nguy hại, nằm cạnh khu vực nhà vệ sinh di động).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng mang đi xử lý theo

quy định cùng với chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động khai thác (tần suất 01 lần/năm).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực dự án. Thời gian thi công: Buổi sáng, từ 6 giờ đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều, từ 13 giờ 30 phút đến 18 giờ.

Sau khi thực hiện các biện pháp trên tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Khai báo tạm trú cho công nhân từ nơi khác đến với chính quyền địa phương; kết hợp với chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo an ninh chính trị và an toàn xã hội trong khu vực.

- Quản lý cán bộ, công nhân không để các tệ nạn xã hội xảy ra, ảnh hưởng đến uy tín của chủ dự án cũng như ảnh hưởng đến nhân dân.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường xây dựng đều phải được đào tạo các quy định về an toàn lao động trước khi thi công trên công trường.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết (như: quần áo, mũ, khẩu trang, ủng nhựa, nút tai chống ồn ...) để hạn chế tới mức thấp nhất các tác hại đối với cán bộ, công nhân.

- Tiến hành thi công đảm bảo tiến độ, đúng kỹ thuật và đúng thiết kế.

- Không tiến hành thi công vào ngày mưa hạn chế sạt lở xảy ra.

- Trong trường hợp xảy ra sạt lở: Tạm dừng hoạt động thi công và khai thác, khắc phục sự cố, không bố trí máy móc, thiết bị tại vùng nguy hiểm. Chỉ tiến hành hoạt động trở lại khi khu vực được xác định là an toàn.

- Trong trường hợp ngập úng: Bố trí 03 máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất 250 m³/giờ để đảm bảo thoát nước toàn bộ khu mỏ. Gia cố bờ moong để không có nước chảy tràn vào khu vực khai thác. Nếu trường hợp mưa, bão, khu mỏ bị ngập, nước trong Ngòi Lịch Sơn dâng cao, ngòi tiêu không đảm bảo khả năng tiếp nhận thêm nguồn nước, khi đó chủ dự án sẽ tạm dừng hoạt động.

- Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý.

- Lắp đèn, biển báo, chỉ dẫn và cảnh báo tại các điểm giao giữa các tuyến đường giao thông và các vị trí cần thiết thông báo tình trạng khu vực dự án cho người tham gia giao thông và công nhân lao động biết.

- Đắp bờ bao ngăn nước bằng đất phủ (chiều rộng 1m, chiều cao 1m) xung quanh khu vực khai thác để ngăn nước vào khai trường và làm bờ chắn ngăn cách với xung quanh.

- Lắp biển cảnh báo nguy hiểm (kích thước: 30 cm x 50 cm), có hiển thị độ sâu, có phản quang xung quanh khai trường.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại dự án có bể chứa chất thải dung tích 1m³ để phục vụ nhu cầu vệ sinh của công nhân. Nước thải sinh hoạt không xả thải ra môi trường.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải nhà vệ sinh di động mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước thải thi công:

- Nước thải từ quá trình xịt, rửa bánh xe: Bố trí rãnh thoát nước (chiều rộng 0,3 m, chiều sâu 0,3 m) để thu gom nước thải vào hố lắng (kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,5m) để lắng cặn, sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho rửa xe, tưới ẩm khu vực thi công, không thải ra môi trường.

- Định kỳ (01 tuần/lần) nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng nước thải.

* Nước mưa chảy tràn:

- Thoát nước chung của mỏ:

+ Đáy khai trường nằm dưới mức xâm thực của địa phương nên chịu ảnh hưởng của nước mặt chảy vào (chủ yếu là nước mưa). Do đó, chủ dự án tận dụng đường đi xung quanh để làm bờ bao ngăn nước sẵn có. Ngoài ra, thực hiện đắp bờ bao ngăn nước bằng đất phủ đã bóc nhằm ngăn nước xung quanh chảy vào khai trường khai thác. Thông số của bờ bao: Khu I bờ bao có chiều dài 234m, chiều rộng 3m; khu II bờ bao có chiều dài khoảng 532m, chiều rộng 3m.

+ Đối với thoát nước mỏ: Do địa hình moong sau khi kết thúc khai thác ở mức cos -6,0m thấp hơn địa hình xung quanh và tạo các hố trũng nên để đảm bảo cho hoạt động khai thác bình thường, dự án có đào rãnh thoát nước (chiều rộng 0,3m, chiều sâu 0,3m) để dẫn nước về hố lắng (kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,5m), sử dụng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất 250 m³/giờ để đảm bảo thoát nước toàn bộ khu mỏ. Số lượng bơm phục vụ dự kiến là 03 bơm, trong đó 01 bơm dự phòng. Nước mưa và nước ngầm tại

mong khai thác sẽ được bơm chảy ra ruộng rồi chảy ra Ngòi Lịch Sơn cách dự án khoảng từ 150 m đến 300 m.

- Khu vực bãi chứa đất phủ:

Khu I bãi chứa đất phủ có diện tích 770 m², khu II bãi chứa đất phủ có diện tích 1.256 m².

Nước mưa từ khu vực bãi chứa đất phủ tại khu I và khu II sẽ chảy về các hố trũng được tạo ra trong quá trình khai thác của dự án và được bơm ra ngoài khai trường bằng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất 250 m³/giờ.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Dự án sử dụng xe ô tô có bồn chứa nước có dung tích 5 m³, để thực hiện phun tưới cho khai trường. Công tác tưới nước được thực hiện trên khai trường (tuyến đường nội bộ mở, mặt bằng khai thác) trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết, vào những ngày khô hanh, nắng nóng, với số lần tưới khoảng 2-4 lần/ngày. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m².

- Máy móc tham gia thi công xây dựng đảm bảo yếu tố đạt tiêu chuẩn khí thải. Không sử dụng các máy móc quá cũ. Không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và có bạt che phủ khi vận chuyển.

- Bố trí công nhân và xe đi thu dọn đất rơi trên tuyến đường vận chuyển.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân thi công trên công trường (như: quần áo, mũ, khẩu trang, giày, găng tay,...).

- Tuân thủ triệt để các tiêu chuẩn và các lịch bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị theo quy định (hay sử dụng các nhiên liệu thay thế) để giảm ô nhiễm không khí... Tần suất bảo dưỡng các thiết bị thi công khoảng 3-6 tháng/lần.

- Dự án sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất sét gạch. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường đường vận chuyển được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất, chủ dự án có trách nhiệm bố trí kinh phí, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để khắc phục, sửa chữa kịp thời.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 60 lít đặt cạnh khu vực nhà vệ sinh di động để thu gom rác thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt: Được chứa trong bãi đất phủ để đắp bờ bao ngăn nước và cải tạo, phục hồi môi trường.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 3 m² (kho chứa quay tôn xung quanh, có mái che, nền bê tông cao hơn nền hiện trạng, có biển cảnh báo chất thải nguy hại, nằm cạnh khu vực nhà vệ sinh di động).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/năm).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Máy móc, thiết bị phục vụ khai thác phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực thi công. Thời gian thi công: Buổi sáng, từ 6 giờ đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều, từ 13 giờ 30 phút đến 18 giờ.

Sau khi thực hiện các biện pháp trên tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án được lựa chọn thực hiện

* Củng cố bờ moong:

Sau khi kết thúc khai thác bờ moong xung quanh khu mỏ hầu như đã được hoàn thiện đảm bảo ổn định sườn tầng, do vậy để đảm bảo cho việc ổn định tránh sạt lở, chủ dự án tiến hành củng cố lại bờ moong bằng cách đắp bù vào khu vực có nguy cơ sạt lở, gia cố chắc chắn mà không cần tiến hành bờ kè. Do địa hình kết thúc khai thác là dạng hố mỏ và hiện trạng sử dụng đất khu vực là đất trồng lúa hiệu quả kinh tế thấp nên tại bờ moong sẽ tiến hành trồng cây xen dày để tạo độ giữ đất và phủ đất màu khu vực bờ moong đồng thời gia cố bờ moong, lắp đặt hàng rào và biển báo nguy hiểm. Theo khảo sát thực tế thì khu vực quanh mỏ khai thác dự án có đất tương đối ổn định, không có hiện tượng sạt lở quy mô lớn do quá trình tự nhiên. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn chủ dự án sẽ thực hiện trồng cây quanh khu vực khai thác bao quanh mỏ. Giải pháp trồng cây không những có thể giữ đất phòng ngừa sạt lở mà bên cạnh đó còn tạo ra rào chắn bảo vệ và cảnh quan cho khu vực dự án.

Thực hiện trồng cây xanh (cây keo lai) mật độ xem dày gấp 02 lần trên toàn bộ diện tích bờ moong khai thác. Tổng chiều dài moong 1.240m, chiều rộng bờ bao 3m. Diện tích trồng cây bờ bao khai thác là $1.240 \text{ m} \times 3 \text{ m} = 3.720 \text{ m}^2$ (0,37 ha). Thực hiện đào hố và trồng cây, với mật độ 2.200 cây/ha; số lượng hố đào trồng cây 814 hố.

* Lắp dựng cống thoát nước:

Để thuận lợi cho việc lưu thông nước trong mỏ không bị ứ đọng đảm bảo điều kiện ở giai đoạn sau, tiến hành lắp đặt cống thoát nước lưu thông với bên ngoài, theo khảo sát chỉ cần tiến hành lắp dựng 02 cống thoát nước bằng đá học kích thước: cống D800, L= 2500mm, mác 300, dày 80mm. Đặt lòng cống cao hơn độ sâu của dòng chảy xung quanh. Chủ dự án dự kiến mua 02 cống sẵn có trên thị trường. Tận dụng cần câu và nhân lực sẵn có để đào rãnh và lắp đặt.

* Lắp hàng rào và lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm:

- Lắp hàng rào: Lắp đặt hàng rào lưới thép B40 xung quanh diện tích khai trường khai thác ngăn ngừa sự cố rơi, ngã xuống khai trường, đồng thời lắp đặt biển báo nguy hiểm.

- Lắp biển cảnh báo nguy hiểm: Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 1 (giai đoạn 1) sẽ lắp đặt 10 biển báo; kết thúc năm thứ 2 (giai đoạn 2) sẽ lắp đặt 03 biển báo; kết thúc khai thác năm thứ 3 (giai đoạn 3) sẽ lắp đặt 04 biển báo. Các biển báo nguy hiểm này được làm bằng tấm sắt, có kích thước 30 cm x 50 cm; biển báo đảm bảo tồn tại vĩnh viễn, trên biển ghi độ sâu moong khai thác, vị trí biển báo chắc chắn nhờ trụ đỡ sắt ống Ø60.

- Lắp hàng rào, biển báo được tiến hành sau khi kết thúc cụ thể như sau:

+ Sử dụng lưới thép B40, khổ 1,5m, D3mm;

+ Kích thước cọc bê tông để dựng lưới thép: 0,2 x 0,15 x 2,0m. Trung bình 2m/1 cọc. Chiều dài 1.240 m. Số cọc BTCT: 622 cọc. Khối lượng bê tông đổ cột: 37,32 m³. Đào hố dựng cọc bê tông: 622 hố (kích thước dài x rộng x sâu: 0,4 x 0,4 x 0,5m). Khối lượng: 622 x (0,4 x 0,4 x 0,5) = 49,76 m³. Đổ bê tông móng cột 622 hố: 49,76 m³. Diện tích lưới B40: 1.860 m².

* Cải tạo tuyến đường giao thông đi vào mỏ

Tuyến đường giao thông vào mỏ là tuyến đường nội đồng của thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý. Người dân không lưu thông trên tuyến đường này, chỉ sử dụng để vận chuyển đất, gạch từ các Nhà máy xung quanh khu vực mỏ đất. Tuyến đường đất có chiều dài khoảng 3 km, chiều rộng khoảng 5m. Sau khi kết thúc khai thác, chủ dự án thực hiện san gạt lại tuyến đường vào mỏ, với chiều cao san gạt khoảng 0,3m, khi đó tổng khối lượng san gạt là $3.000 \text{ m} \times 5 \text{ m} \times 0,3 \text{ m} = 4.500 \text{ m}^3$.

* Tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ:

- Tháo dỡ camera: 02 chiếc;

- Trạm cân (120 tấn): 01 trạm;

- Mốc giới mỏ: 12 cọc;

- Tháo dỡ nhà vệ sinh di động;

- Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại (diện tích 3m²): 01 kho.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
I. Xây dựng công tiêu thoát nước					
1	Khối lượng đào, lắp cống thoát nước	Cống	2	Thủ công - máy	-
II. Lập hàng rào và lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm					
1	Lưới B40, khổ 1,5m, 3 ly	m	1.240	Thủ công	
2	Đào hố dựng cọc bê tông	m ³	49,76	Thủ công	
3	Đổ bê tông móng cột	m ³	49,76	Thủ công - máy	
4	Lắp dựng cọc bê tông	Cọc	622	Thủ công - máy	-
5	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	17	Thủ công	-
III. Củng cố bờ moong					
1	Diện tích trồng xen dày hơn định mức thông thường 02 lần trên mặt bằng khu vực kết thúc khai thác	ha	0,37	Thủ công	
2	Đào hố trồng cây	hố	814	Thủ công	
3	Bổ sung đất màu	m ³	10,98	Thủ công	
IV. Tháo dỡ công trình phụ trợ					
1	Tháo dỡ cọc bê tông tại các vị trí mọc lộ giới	Cọc	12	Thủ công - máy	
2	Tháo dỡ camera	Chiếc	02	Thủ công	
3	Tháo dỡ trạm cân 120 tấn	Trạm	01	Thủ công	
4	Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại	Chiếc	01	Thủ công	
5	Tháo dỡ nhà vệ sinh di động	Chiếc	01	Thủ công - máy	
V. Cải tạo đường giao thông đi vào mỏ					
1	San gạt tuyến đường	m ³	4.500	Thủ công - máy	
IV. Bảo dưỡng, duy tu các công trình sau cải tạo, phục hồi môi trường					
1	Bảo dưỡng, duy tu các công trình sau cải tạo, phục hồi môi trường	Hệ thống	Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi môi trường	Thủ công - máy	-

c) Kế hoạch thực hiện

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; tháo dỡ camera giám sát (02 camera); tháo dỡ trạm cân 120 tấn; tháo dỡ mốc giới (12 cọc); cải tạo tuyến đường giao thông đi vào mỏ; lắp đặt hàng rào và biển cảnh báo nguy hiểm; lắp dựng công thoát nước, tháo dỡ thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt. Hoàn thành trong thời gian 04 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên bờ moong: Thực hiện trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: **609.837.060** đồng. (*Bằng chữ: Sáu trăm linh chín triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi đồng*).

Dự án có thời gian khai thác 3,0 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản), vì vậy dự án thực hiện ký quỹ nhiều lần (03 lần), trong đó:

- + Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): $609.837.060 \times 25\% = 152.459.265$ đồng.

- + Số tiền ký quỹ từ lần thứ 02 trở đi (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): $(609.837.060 - 152.459.265) / (3-1) = 228.688.898$ đồng.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

- + Thời điểm ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- + Thời điểm ký quỹ lần thứ hai trở đi: Phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Trong quá trình khai thác mỏ, dự án nghiêm chỉnh chấp hành những quy trình, quy phạm hiện hành của nhà nước.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường đều được phổ biến về các quy định an toàn lao động. Các công nhân trực tiếp thi công vận hành máy móc được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,...) và có những quy định về sử dụng.

- Thực hiện nghiêm túc việc huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc tại dự án theo quy định.

- Các xe ô tô trước khi làm việc phải kiểm tra an toàn, chỉ những xe đảm bảo đầy đủ điều kiện an toàn theo quy định mới được đưa vào làm việc. Khi

hoạt động các lái xe phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn giao thông, tuân thủ hướng dẫn của người lái máy xúc về hiệu lệnh còi.

- Lắp đèn, biển báo, chỉ dẫn và cảnh báo tại các điểm giao giữa các tuyến đường giao thông và các vị trí cần thiết thông báo tình trạng khu vực dự án cho người tham gia giao thông và công nhân lao động.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu cán bộ, công nhân rời khỏi khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Khi phát hiện sụt lún phải tạm dừng hoạt động khai thác và tiến hành khắc phục, xử lý kịp thời.

- Bố trí 03 máy bơm để bơm nước ra ngoài, đảm bảo thoát nước tại khai trường dự án.

- Cam kết sử dụng xe có trọng tải từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất sét đi tiêu thụ. Kịp thời sửa chữa, cải tạo những đoạn đường bị hư hỏng do xe vận tải của dự án đi qua.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông, nạo vét toàn bộ rãnh thoát nước, hồ lắng tại khu vực khai trường trước, trong và sau những trận mưa hoặc trước khi vào mùa mưa (tần suất 01 lần/ngày). Hàng ngày kiểm tra, gia cố chắc chắn thành hồ lắng để hạn chế sạt lở. Trong trường hợp sạt lở thành hồ lắng tiến hành huy động phương tiện, máy xúc, cuốc xẻng... tiến hành gia cố ngay. Cấm biển báo “khu vực nguy hiểm” tại hồ lắng để cảnh báo.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 1,0 m³/ngày, khi đó đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

5.1.2. Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Khí thải

Khí thải trong giai đoạn vận hành ở dạng phát tán, không tập trung và có quy mô nhỏ, khi đó đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ

môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

5.2.2. Nước sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 1,0 m³/ngày, khi đó đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

5.2.3. Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Định kỳ hằng năm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo) gửi đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 617/TTr-STNMT ngày 09/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./